

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 151/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14-8-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Bà Đoàn Thị Sim

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Bảo Trân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Võ Văn U, sinh năm: 1952 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại nguyên đơn ông Võ Văn U trình bày:

Ông Võ Văn U và bà Đỗ Thị H thành hôn với nhau năm 1981 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống ông Võ Văn U và bà Đỗ Thị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc, ông U và bà H sống ly thân năm 2001 đến nay. Ông Võ Văn U yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị H. Ông Võ Văn U và bà Đỗ Thị H có 05 người con chung tên Võ Mỹ D, sinh năm 1982; Võ Thị Mỹ C, sinh năm 1983; Võ Mỹ H1, sinh năm 1985; Võ Trường P, sinh năm 1987; Võ Mỹ H2, sinh năm 1990. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét.

Bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Bà H thông nhất như lời trình bày của ông Võ Văn U là đúng. Bà H đồng ý ly hôn với ông Võ Văn U. Bà bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn U có 05 người con chung tên Võ Mỹ D, sinh năm 1982; Võ Thị Mỹ C, sinh năm 1983; Võ Mỹ H1, sinh năm 1985; Võ Trường P, sinh năm 1987; Võ Mỹ H2, sinh năm 1990. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Thị H có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn ông Võ Văn U khởi kiện xin ly hôn với ba Huệ nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân: Ông Võ Văn U và bà Đỗ Thị H thành hôn với nhau năm 1981 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại đơn xin xác nhận ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã P thì thể hiện hôn nhân giữa ông Võ Văn U và bà Đỗ Thị H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P. Như vậy, hôn nhân giữa ông Võ Văn U và bà Đỗ Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1981 nhưng không có đăng ký kết hôn là không tuân thủ theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó pháp luật không công nhận mối quan hệ giữa ông Võ Văn U và bà Đỗ Thị H là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Ông Võ Văn U và bà Đỗ Thị H có 05 người con chung tên Võ Mỹ D, sinh năm 1982; Võ Thị Mỹ C, sinh năm 1983; Võ Mỹ H1, sinh năm 1985; Võ Trường P, sinh năm 1987; Võ Mỹ H2, sinh năm 1990. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông Võ Văn U không có dự nộp án phí, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa ông Võ Văn U và bà Đỗ Thị H là vợ chồng.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình ông Võ Văn U được miễn án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Sơn

Đoàn Thị Sim

Võ Minh Luân

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Võ Minh Luân